TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bán án số: 126/2023/HNGĐ - ST
Ngày 09 tháng 8 năm 2023
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thành Thật

Ông Đặng Hữu Tấn

Thư ký phiên tòa: Bà Lý Ngọc Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Kiều Văn Liêu – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 329/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2023 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 341/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 325/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thúy O, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số A khóm A, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Điện thoại: 0868.732.536 (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn H, sinh năm: 1975. Địa chỉ: 3 khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Điện thoại: 0398.780.507 (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Lê Thị Thúy O trình bày:

Về quan hệ hôn nhân*:* Bà O và ông H tự nguyện quen biết tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L vào ngày 13/02/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu

thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hoà hợp. Nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà O yêu cầu ly hôn với ông H.

Về con chung: có 02 (hai) con chung tên Lê Văn H1, sinh ngày: 01/7/2000 và Lê Phúc H2, sinh ngày: 06/12/2007. Đối với cháu H1 đã trưởng thành, có khả năng lao động, không yêu cầu Toà án giải quyết; đối với cháu H2 hiện đang sống cùng với ông H, sau khi yêu cầu ly hôn bà O yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Văn H không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải, cũng như không tham dự phiên tòa do Tòa án triệu tập.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Lê Thị Thúy O có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn ông Lê Văn H được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai, không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án;

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và còn phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn, bị đơn tự nguyện tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn là có cơ sở theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận; Về con chung: có 02 (hai) con chung tên Lê Văn H1, sinh ngày: 01/7/2000 và Lê Phúc H2, sinh ngày: 06/12/2007. Đối với cháu H1 đã trưởng thành, có khả năng lao động, không yêu cầu Toà án giải quyết; đối với cháu H2 hiện nay đang sống với ông H, sau khi yêu cầu ly hôn bà O yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H2 và không yêu cầu ông H cấp dưỡng. Tại biên bản ghi nhận ý kiến con chung, cháu mong muốn sống cùng ông H. Để đảm bảo ổn định về tinh thần cũng như đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung nên đề nghị chấp nhận giao con chung tên H2 cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đối với cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng đét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lê Thị Thúy O khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn H. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Tại biên bản xác minh tình trạng cư trú ngày 15/6/2023, Công an phường M, thành phố L xác nhận: Đương sự Lê Văn H, sinh năm 1975, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số C, khóm A, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Tòa án đã tiến hành tống đạt trực tiếp, niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn hợp lệ nhưng bị đơn đã từ chối các quyền, cũng như không thực hiện nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Nguyên đơn bà Lê Thị Thúy O có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Lê Văn H mặc dù được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng ông H vẫn không tham dự phiên tòa. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; điểm a, b khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà O và ông H xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Khi vợ chồng chung sống thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên bà O cương quyết yêu cầu ly hôn, ông H cũng không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà O.

Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện, bà O xác định không thể tiếp tục chung sống cùng với ông H, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, giữa vợ chồng không còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ cũng như không cố gắng hàn gắn, duy trì cuộc sống hôn nhân. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà O là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: có 02 (hai) con chung tên Lê Văn H1, sinh ngày: 01/7/2000 và Lê Phúc H2, sinh ngày: 06/12/2007. Đối với cháu H1 đã trưởng thành, có khả năng lao động, không yêu cầu Toà án giải quyết; đối với cháu H2 hiện nay đang sống với ông H, sau khi yêu cầu ly hôn bà O yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H1 và không yêu cầu cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử nhận thấy cháu H1 chưa thành niên, hiện đang được ông H chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp, cuộc sống của cháu đã ổn định. Đồng thời, cũng phù hợp với biên bản ghi nhận ý kiến con chung ngày 04/7/2023, cháu H có nguyện vọng được sống cùng ông H. Vì vậy, nhằm để ổn định cuộc sống của cháu H không bị ảnh hưởng tâm sinh lý về việc cha, mẹ ly hôn và đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu H cho bà O tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là chính đáng và có cơ sở theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà O không trực tiếp nuôi con chung nhưng có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản bà O thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Bà O không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định, tuy nhiên ông H không yêu cầu bà O cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà O trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông H không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử chưa giải quyết. Đương sự có tranh chấp, khởi kiện bằng vụ kiện khác theo quy định.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà O phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 186; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thúy O đối với ông Lê Văn H.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Thúy O với ông Lê Văn H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 02/TPMT, quyển số 01/2006 do Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang cấp cho bà Lê Thị Thúy O với ông Lê Văn H ngày 13/02/2006 hết hiệu lực kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: có 02 (hai) con chung tên Lê Văn H1, sinh ngày: 01/7/2000 và Lê Phúc H2, sinh ngày: 06/12/2007. Đối với cháu H1 đã trưởng thành, có khả năng lao động, không yêu cầu Toà án giải quyết; Giao con chung tên Lê Phúc H2, sinh ngày: 06/12/2007 cho ông Lê Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành.

Bà Lê Thị Thúy O không trực tiếp nuôi con chung nhưng bà có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản bà O thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định. Việc nuôi con không cố định.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm:

Bà Lê Thị Thúy O phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001828 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên ngày 07/6/2023. Bà O đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TP Long Xuyên;
- Chi cục THADS TP.Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- VP (5)./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Dung